

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN CAO ĐẲNG NĂM THỨ NHẤT VỀ LỚP HỌC TIẾNG ANH ĐẢO NGƯỢC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

TRẦN THỊ THU YẾN¹
HOÀNG THỊ QUỲNH NGÂN²

Abstract: The flipped classroom is a form of learning that has grown widely since the early 21st-century along with the exponential development of technology and rapid changes in the need of learning and teaching. This learning model flips the traditional learning process, allowing learners to access learning materials and do exercises before taking part in face - to - face activities with the teachers in the classroom. This study explores the perceptions of freshmen at Hanoi University of Industry about the benefits and limitations of the flipped classroom. The mixed research method was conducted with questionnaire tools and semi-structured interviews based on perceptions of seven aspects of the flipped classroom: (1) learning time, (2) learning motivation, (3) learning interaction, (4) learning skills, (5) learning outcomes, (6) learning materials, (7) technology platform. The results show that most students evaluated the above issues positively, in which the biggest advantage of the flipped classroom is that it allows students more time to practice. On the contrary, the biggest limitations lie in the way of accessing the learning materials in the flipped classroom and the technology platform, which makes it difficult for students to exploit to study. The research results can contribute to improving the situation of applying flipped classrooms at the research site and can be a source of reference materials.

Keywords: *perceptions, college freshmen, English flipped classroom, benefits, shortcomings.*

1. Đặt vấn đề

Dạy học tích cực phát huy tính chủ động của người học có thể coi là kim chỉ nam trong giáo dục hiện đại, đặc biệt ở cấp giáo dục đại học. Tư tưởng này được cụ thể hóa trong các chính sách giáo dục của Việt Nam yêu cầu đổi mới hình thức dạy học, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá người học. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tăng cường phương thức học tập kết hợp (blended learning) thay thế hình thức học tập truyền thống nơi mà người học phụ thuộc phần lớn vào người dạy. Lớp học đảo ngược (flipped classroom) chính là một hình thức nổi bật của phương thức học tập này. LHĐN cho phép người học tăng cường năng lực học tập tự chủ, thu nhận được nhiều kiến thức và rèn luyện được nhiều kỹ năng hơn [17]. Dạy học tiếng Anh tại các trường đại học cũng áp dụng mô hình này nhiều ([2], [3], [9]). Bên cạnh các lợi ích LHĐN (LHĐN) mang lại, cũng còn những vấn đề ảnh hưởng tới hiệu quả của LHĐN, ví dụ như điều kiện cơ sở vật chất, năng lực tự học của sinh viên, hướng dẫn học tập của giảng viên. Do vậy nghiên cứu này thực hiện tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCNHN) có áp dụng mô hình LHĐN kết hợp nhằm mục tiêu tìm hiểu nhận thức của sinh viên về cách thức LHĐN được tiến hành và về hiệu quả của LHĐN tại cơ sở đào tạo này ([2], [9]). Nghiên cứu về nhận thức của sinh viên có ý nghĩa cung cấp thêm thông tin cho nhà trường để có thể cải biến quá trình đào tạo, hỗ trợ sinh viên tốt nhất trong học tập. Rộng hơn nữa, nghiên cứu có thể đóng góp thêm nguồn tài liệu trong lĩnh vực giảng dạy sử dụng hình thức này.

^{1, 2} ThS, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: *Sinh viên tại ĐHCNHN nhận thức thế nào về lợi ích và hạn chế của LHDN?*

2. Cơ sở lý luận và tình hình nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm nhận thức

Nhận thức là một khái niệm chính trong nghiên cứu này. Theo *Từ điển tiếng Việt* [1] nhận thức là “quá trình hoặc kết quả phản ánh và tái hiện hiện thực vào trong tư duy; quá trình con người nhận biết, hiểu biết thế giới khách quan, hoặc kết quả của quá trình đó”. Triết học Mác-Lênin định nghĩa nhận thức như “là quá trình phản ánh biện chứng hiện thực khách quan vào trong bộ óc của con người, có tính tích cực, năng động, sáng tạo, trên cơ sở thực tiễn. Nhận thức có thể cảm tính dựa trên cảm giác chủ quan hoặc lí tính dựa trên các bằng chứng khách quan” [7].

Nhận thức có ý nghĩa quan trọng trong đời sống nói chung và trong học tập nói riêng. Nhờ nhận thức mà người học tích lũy được kiến thức, kinh nghiệm để có thể cải biến hiện thực theo cách tích cực hơn. Nghiên cứu này tìm hiểu nhận thức của sinh viên về mô hình LHDN.

2.1.2. Khái niệm, mô hình và đặc điểm của lớp học đảo ngược

2.1.2.1. Khái niệm lớp học đảo ngược

LHDN có thể được định nghĩa theo một số cách như sau. LHDN là một hình thức học kết hợp, hoán đổi vai trò của người dạy và người học, nơi người học được giới thiệu nội dung học tập từ ở nhà và tới trường thực hành, thảo luận [18]. Từ một góc độ khác, vai trò của cộng nghệ thông tin và tính tự chủ của người học được nhấn mạnh. Bishop & Verleger [10] nhận định rằng mô hình LHDN là một phương pháp học tập lấy người học làm trung tâm; bao gồm hai phần là các hoạt động tương tác trong giờ học và hoạt động dạy của cá nhân chủ yếu dựa vào các bài giảng qua máy tính. Milman [14] cho rằng mô hình LHDN là một đường hướng nhằm đến tính hiệu quả của các bài học bằng việc truyền tải kiến thức tới người học thông qua các video bài giảng, các tệp âm thanh cũng như là các buổi thảo luận, làm việc nhóm và việc ứng dụng các thiết bị công nghệ trong suốt khoá học.

Tóm lại, LHDN chính là mô hình lớp học giáo viên vận hành theo cách người học tiếp cận học liệu trước khi tới lớp và học sâu thông qua thảo luận, thực hành tại lớp.

2.1.2.2. Mô hình LHDN

LHDN vận hành theo một số mô hình tùy theo điều kiện công nghệ và thời gian giáo viên sử dụng trên lớp ([18], [20]). Theo ViewSonic [20], có 08 kiểu LHDN: truyền thống (traditional/ standard), định hướng hoạt động nhóm (group-based), định hướng tranh biện (debate-based), định hướng thảo luận (discussion-based), đảo ngược vi mô (micro), đảo ngược tại lớp (in-class), đảo ngược ảo (virtual), và giáo viên đảo ngược (teacher-flipped). LHDN kiểu truyền thống cho phép người học tiếp cận học liệu trước để có kiến thức cơ bản về bài học, sau đó tới lớp thực hành và mở rộng kiến thức. LHDN theo định hướng hoạt động nhóm cũng tương tự LHDN truyền thống nhưng nhấn mạnh hoạt động nhóm để tăng tính thách thức. LHDN tranh biện thách thức hơn nữa khi người học tranh biện chủ đề từ các góc nhìn đa chiều. LHDN tranh luận sẽ nhẹ nhàng hơn tranh biện. LHDN tại lớp khắc phục khó khăn về nền tảng công nghệ, cho phép người học sử dụng máy tính tại lớp, LHDN ảo diễn ra trên môi trường ảo thay cho tới lớp học vật lí trực tiếp. LHDN giáo viên có sự nghịch đảo vai trò người học sẽ là người thực hiện các clip đưa lên như học liệu chung và giáo viên đánh giá dựa trên đó. Thakare [18] cũng cung cấp tám loại hình LHDN tương tự như ViewSonic, trừ mô hình tranh biện được thay thế bằng mô hình thuyết minh bằng clip với các môn học đòi hỏi người học phải nhớ và

thực hiện chính xác các hoạt động. Một LHĐN thực tế có thể là sự kết hợp của nhiều mô hình ở trên. Ví dụ như có sự kết hợp giữa truyền thống với nhóm hay thảo luận. Trong hoàn cảnh của nghiên cứu này, LHĐN thiên về truyền thống khi người học được giao bài nghiên cứu trước và lên lớp thực hành và mở rộng kiến thức.

2.2. Tình hình nghiên cứu về nhận thức của sinh viên cao đẳng về lớp học tiếng Anh đảo ngược

Nghiên cứu về nhận thức của sinh viên về LHĐN khá phong phú ở Việt Nam và nước ngoài. Sinh viên nhận ra những ưu điểm của LHĐN nhưng cũng chỉ ra một số vấn đề. Về ưu điểm, các nghiên cứu đa số tập trung vào thời gian học tập, hứng thú học tập, tương tác giảng viên - sinh viên và sinh viên - sinh viên, kiến thức đạt được ([8], [3], [2], [9], [20],...). LHĐN tăng thời gian tự học cho sinh viên và tiết kiệm thời gian giảng lý thuyết trên lớp ([5]; [4]). Sinh viên tăng hứng thú học tập hơn được thể hiện trong nghiên cứu của Trần Thị Hậu [6], Nguyễn Vũ Quỳnh Như [2] và Yang, Yin and Wang [20]. Các tác giả đều ghi nhận tương tác trong LHĐN tăng lên. Thêm vào đó, các kỹ năng học tập như kỹ năng tự học, tự tìm kiếm tài liệu học tập, kỹ năng công nghệ thông tin, tính kỉ luật, tinh thần phân biệt được phát triển tốt hơn ([3], [20]). Một lợi ích quan trọng trong LHĐN là sinh viên có nhiều kiến thức hơn và đạt được điểm số tốt hơn ([8], [2], [16], [20]).

Tuy nhiên, LHĐN có những hạn chế đối với cả giảng viên và sinh viên. Theo Đặng Anh Phương [1], hạn chế về nền tảng công nghệ như là hệ thống LMS chưa đủ tốt để giảng dạy và đánh giá hiệu quả. Một số sinh viên chưa có kỹ năng tự học tốt. LHĐN đòi hỏi giáo viên phải phát huy tốt vai trò thiết kế chương trình, kịch bản giảng dạy, học liệu, hoạt động dạy - học...

Vậy có thể thấy LHĐN ngày càng phổ biến do nhiều lợi ích nó mang lại như tiết kiệm thời gian nghiên cứu kiến thức nền, tăng hứng thú học tập cho sinh viên, tăng tương tác giữa các bên liên quan, tăng kỹ năng và kiến thức. Tuy nhiên, hình thức học tập này cũng vấp phải một số thách thức liên quan đến nền tảng công nghệ, kỹ năng chuẩn bị bài giảng của giảng viên hay kỹ năng tự học của sinh viên. Các nghiên cứu trên thúc đẩy nghiên cứu này được thực hiện để tìm hiểu tại một cơ sở giáo dục đại học khác ở Việt Nam, nhận thức của sinh viên về lớp học có những điểm tương đồng và khác biệt như thế nào. Từ đó, một số khuyến nghị sư phạm có thể được thực hiện.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Bối cảnh, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện với sinh viên cao đẳng năm thứ nhất tại ĐHCNHN, khi học học phần Tiếng Anh cơ bản 1. Chương trình học được thiết kế một phần trên hệ thống Internet, trên trang web và dành riêng cho từng đối tượng học của Trường, một phần học trực tiếp trên lớp. Mỗi sinh viên có một tài khoản học tập riêng, thực hiện việc học theo tiến độ học trên lớp trực tiếp. Sinh viên phải hoàn thành việc học online trước khi đến lớp, bao gồm luyện phát âm, sử dụng từ vựng, ngữ pháp trước sau đó mới luyện các kỹ năng nghe, đọc và nói theo chủ điểm; Với phần kỹ năng nói, sinh viên được yêu cầu tải video ghi bài luyện nói theo chủ điểm tốt nhất của mình. Sau mỗi 02 bài học sẽ có 01 bài kiểm tra online, thời lượng làm bài 45 phút, giúp sinh viên tự đánh giá để điều chỉnh lại việc học của mình. Hoạt động trên lớp là sinh viên luyện nói theo cặp, nhóm dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên theo giáo trình có nội dung chủ điểm tương ứng với 06 bài học online. Nghiên cứu được thực hiện từ tuần 5 đến tuần 10 của khóa học khi sinh viên quen hơn với hình thức LHĐN. Quá trình học online của sinh viên sẽ được giáo viên hướng dẫn trong suốt quá trình học, hỗ trợ qua nhóm zalo của lớp. Giáo viên cũng thông qua nhiều kênh để nhắc nhở tiến độ học tập của sinh viên. Quản trị mạng sẽ giúp phát hiện sinh viên dùng phần mềm hoặc apps để gian dối trong học tập, khiến sinh viên tự giác hơn. Hệ thống cũng có kênh giúp sinh viên gửi phản hồi về chương trình giúp hoàn thiện hệ thống hơn.

3.2. Khung lí thuyết

Nghiên cứu này sử dụng thiết kế nghiên cứu hỗn hợp để làm phong phú dữ liệu đa chiều. Phần lớn các nghiên cứu trước đó về tính hiệu quả của LHĐN sử dụng đường hướng định lượng ([8], [3], [9], [16]) nhưng nghiên cứu này đóng góp thêm đường hướng định tính vì câu hỏi nghiên cứu “như thế nào” và “tại sao” thường có câu trả lời qua nghiên cứu định tính để tìm ra các lí do, niềm tin, thái độ của người tham gia nghiên cứu về một hiện tượng xã hội [12]. Phương pháp chính là định lượng thông qua bảng hỏi phỏng vấn bán cấu trúc. Phương pháp bổ sung là phương pháp định tính thông qua câu hỏi phỏng vấn trực tiếp bán cấu trúc.

Cụ thể, công cụ nghiên cứu là một bảng khảo sát trên Google Form và một bảng hỏi phỏng vấn bán cấu trúc phù hợp cho nghiên cứu tìm ra nhận thức của tham thể [13]. Các câu hỏi được đánh giá về tính giá trị và tính tin cậy bằng cách gửi cho một giáo viên đọc câu hỏi và đánh giá tính phù hợp của câu hỏi khảo sát với câu hỏi nghiên cứu và tính tường minh của ngôn ngữ. Sau đó, bảng hỏi được thử nghiệm với hai sinh viên. Lí do cho việc gửi bản thảo bảng khảo sát cho một giáo viên vì đây là một giáo viên có kinh nghiệm làm nghiên cứu và xây dựng bảng hỏi. Lí do thử nghiệm với hai sinh viên là do tính tiện lợi. Một số điều chỉnh nhỏ được thực hiện sau đó. Bảng khảo sát gồm hai phần chính: thông tin cá nhân của sinh viên và nhận thức của sinh viên. Nhận thức của sinh viên được chia thành bảy phần nhỏ, bao gồm: (1) nhận thức về thời gian học; (2) nhận thức về động cơ học tập; (3) nhận thức về sự tương tác trong học tập; (4) nhận thức về kĩ năng học tập; (5) nhận thức về kết quả học tập; (6) nhận thức về học liệu; (7) nhận thức về nền tảng công nghệ. Nhận thức được sắp xếp theo thang Likert 5 bậc từ: (1) hoàn toàn đồng ý, (2) không đồng ý, (3) phân vân, (4) đồng ý, đến (5) hoàn toàn đồng ý. Một bảng phỏng vấn bán cấu trúc cũng gồm hai câu hỏi lớn: (1) Nhận thức của sinh viên về lợi ích của lớp học đảo ngược? và (2) Nhận thức của sinh viên về hạn chế của LHĐN?

Tham gia nghiên cứu khảo sát là 30 sinh viên nam (các lớp không có sinh viên nữ) năm thứ nhất học học phần Tiếng Anh cơ bản 1 theo hình thức LHĐN. Người tham gia phỏng vấn là 3 sinh viên được lựa chọn ngẫu nhiên trong số 30 sinh viên đã trả lời bảng hỏi.

3.3. Thu thập và xử lí dữ liệu

Bảng khảo sát được gửi qua link Google Form tới sinh viên. Sau khi dữ liệu khảo sát được xử lí miêu tả, buổi phỏng vấn được tiến hành bằng hình thức trò chuyện, ghi âm và phiên âm sau đó. Dữ liệu khảo sát theo miêu tả phần trăm trong khi dữ liệu phỏng vấn theo chủ đề. Sinh viên được mã hoá thành An, Nam và Phong để đảm bảo tính riêng tư của người được phỏng vấn.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

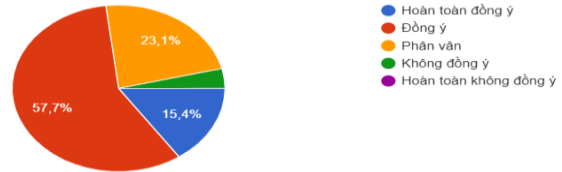
4.1.1. Nhận thức của sinh viên về ưu điểm của lớp học đảo ngược

Dữ liệu từ nguồn khảo sát cho thấy tỉ lệ “đồng ý” về các ưu điểm của LHĐN cao nhất trên thang Likert, dao động từ 50% (nhận thức về việc LHĐN cung cấp cho sinh viên học liệu đúng mục tiêu học tập) đến 84,6% (nhận thức về việc LHĐN cho phép sinh viên có thêm thời gian luyện tập). Cụ thể với các tiêu chí khảo sát được trình bày như sau:

Thứ nhất, về thời gian học tập, sinh viên “đồng ý” là họ có thêm thời gian luyện tập (84,6%), thêm thời gian học kiến thức nâng cao trên lớp (65,4%) và không mất thời gian học kiến thức cơ bản trên lớp (50%). Trong số ba ý này thì thời gian học kiến thức cơ bản trên lớp nhận được câu trả lời đa dạng ở bốn cấp độ và có tỉ lệ “hoàn toàn đồng ý cao nhất là 23,1%.



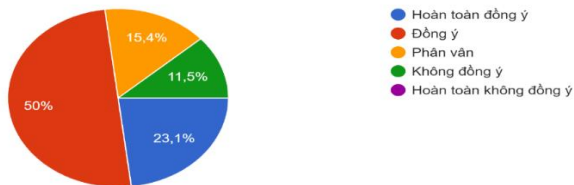
Hình 1. Sinh viên nhận thức về việc LHDN giúp sinh viên không mất thời gian học kiến thức cơ bản trên lớp



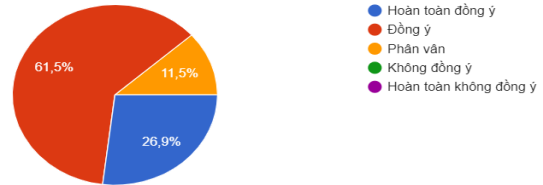
Hình 2. Sinh viên nhận thức về việc LHDN giúp sinh viên tự tin trong các hoạt động học tập trên lớp

Thứ hai, nhận thức về động cơ học tập trong LHDN, hầu hết sinh viên “đồng ý” rằng LHDN giúp sinh viên chuẩn bị bài tốt hơn (80,8%) và định hướng rõ mục tiêu học tập hơn (80,8%). Đặc biệt là, sinh viên ở mức độ “đồng ý” cảm thấy tự tin hơn trong các hoạt động học tập trực tiếp (57,7%). Có tới 11,5% “hoàn toàn đồng ý” về việc này.

Bàn về sự tương tác trong LHDN, hơn 50% sinh viên “đồng ý” rằng LHDN cho phép tương tác giữa sinh viên với giáo viên hay giữa sinh viên với sinh viên trước, trong và sau giờ học trực tiếp tốt hơn. Tương tác sau buổi học chiếm tỉ lệ “đồng ý và “hoàn toàn đồng ý” cao nhất.



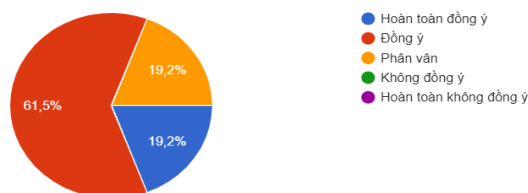
Hình 3. Sinh viên nhận thức về việc LHDN cho phép tương tác với bạn học trước khi tới lớp tốt hơn



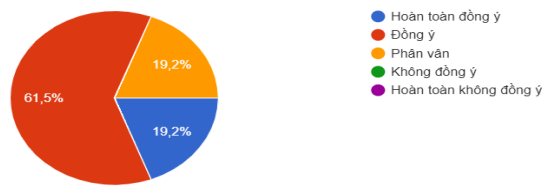
Hình 4. Sinh viên nhận thức về việc LHDN rèn kỹ năng tìm kiếm thông tin tốt hơn

Về kỹ năng học tập ở LHDN, sinh viên nhận thức LHDN cho phép nâng cao kỹ năng tự học (76,9% đồng ý và 11,5% hoàn toàn đồng ý), cho phép nâng cao kỹ năng tự học (69,2% đồng ý và 19,2% hoàn toàn đồng ý), cho phép học tập mọi nơi (65,4% đồng ý và 23,1% hoàn toàn đồng ý), rèn kỹ năng tìm kiếm thông tin tốt hơn (61,9% đồng ý và 26,9% hoàn toàn đồng ý) và cho phép tự đánh giá kết quả học tập tốt hơn (61,5% đồng ý và 19,2% hoàn toàn đồng ý). Trong khi các câu hỏi khác có đa dạng các câu trả lời từ “hoàn toàn đồng ý” đến “không đồng ý” thì câu hỏi về LHDN giúp rèn kỹ năng tìm kiếm thông tin không có sinh viên nào có ý kiến tiêu cực.

Thứ năm, nhận thức về kết quả học tập trong LHDN, sinh viên phản hồi cho phép có bài kiểm tra điểm số tốt (19% hoàn toàn đồng ý và 61,5% đồng ý). Các con số này lần lượt là 15,4% và 57,7% đối với nhận thức về việc thu nhận được nhiều kiến thức hơn. Kết quả đánh giá hàng ngày của sinh viên cũng được phản ánh tốt hơn. Tương tự như Hình 4, Hình 5 dưới đây cũng thể hiện quan điểm rất tích cực của sinh viên về kết quả học tập ở LHDN.



Hình 5. Sinh viên nhận thức về việc LHDN cho phép có bài kiểm tra điểm số tốt



Hình 6. Sinh viên nhận thức về việc LHDN có nền tảng công nghệ ổn định

Một điểm quan trọng nữa trong LHDN là nguồn học liệu. Nguồn học liệu được đánh giá khá tốt về chất lượng âm thanh (88,5% tổng số hoàn toàn đồng ý và đồng ý), hình ảnh (84,6% tổng tích cực), hướng dẫn học tập (80,7% tổng) và phù hợp mục tiêu học tập (76,9%).

Bảng 1. Sinh viên nhận thức về học liệu trong lớp học đảo ngược

Nội dung	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân
1. LHDN cung cấp học liệu đúng mục tiêu học tập	26,9%	50%	11,5%
2. LHDN cung cấp học liệu có hình ảnh chất lượng tốt	15,4%	69,2%	11,5%
3. LHDN cung cấp học liệu có âm thanh chất lượng tốt	15,4%	73,1%	7,7%
4. LHDN cung cấp học liệu có hướng dẫn học tập rõ ràng	19,2%	61,5%	11,5%

Mục cuối cùng là nền tảng công nghệ. Sinh viên phản hồi tốt về việc tiếp cận học liệu và tương tác trên mạng dễ dàng do phương tiện công nghệ ổn định. Không có sinh viên nào có ý kiến tiêu cực về việc này. Thêm nữa, sinh viên cũng nhận thấy sự sắp xếp bài học trên hệ thống online khoa học.

Dữ liệu phỏng vấn cho thấy sinh viên đánh giá rất tích cực về các ưu điểm của LHDN, đều thống nhất rằng hệ thống E-learning cho phép sinh viên *biết trước nội dung bài học, sự chủ động về nội dung học tập, giáo viên hướng dẫn bài trước bài về nhà trên E-learning* nên các bạn *khá tự tin*; E-learning có bài thiết kế *khá rõ ràng* và có nguồn bài tập phong phú, “có thể làm đi làm lại nhiều lần” nên phát triển kỹ năng tự học, tự tìm kiếm tài liệu tốt. Thêm nữa, khi sinh viên học tập trên mạng, sinh viên có thể tham khảo được nhiều nguồn để làm phong phú kiến thức.

4.1.2. Nhận thức của sinh viên về nhược điểm của lớp học đảo ngược

Mặc dù kết quả nghiên cứu chỉ ra hầu hết các sinh viên nhận thức rất tích cực về các đặc điểm của LHDN, vẫn có những hạn chế được sinh viên chỉ ra qua tỉ lệ “phân vân”, “không đồng ý” và “hoàn toàn không đồng ý”.

Bảng 2. Sinh viên nhận thức về hạn chế của lớp học đảo ngược

Nội dung	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
I. Nhận thức về thời gian học tập trong lớp học đảo ngược			
Lớp học đảo ngược cho phép không mất thời gian học kiến thức cơ bản trên lớp	15,4%		
Lớp học đảo ngược cho phép thêm thời gian học kiến thức nâng cao trên lớp	26,9%		
Lớp học đảo ngược cho phép thêm thời gian luyện tập	15,4%		
II. Nhận thức về động cơ học tập trong lớp học đảo ngược			
Lớp học đảo ngược giúp tích cực chuẩn bị bài hơn	11,5%	3,8%	
Lớp học đảo ngược giúp định hướng rõ mục tiêu bài học	7,7%	3,8%	
Lớp học đảo ngược giúp tự tin hơn trong hoạt động trên lớp	23,1%	3,8%	
III. Nhận thức về sự tương tác trong lớp học đảo ngược			
Lớp học đảo ngược giúp tương tác tốt với giáo viên trước giờ học	15,1%	3,8%	
Lớp học đảo ngược giúp tương tác tốt với bạn học trước giờ học	15,4%	15,4%	
Lớp học đảo ngược giúp tương tác tốt với giáo viên trong giờ học		7,7%	
Lớp học đảo ngược giúp tương tác tốt với bạn học trong giờ học	11,5%	11,5%	
Lớp học đảo ngược giúp tương tác tốt với giáo viên sau giờ học	11,5%	7,7%	
Lớp học đảo ngược giúp tương tác tốt với bạn học sau giờ học	19,2%	3,8%	

IV. Nhận thức về kĩ năng học tập trong lớp học đảo ngược			
Lớp học đảo ngược cho phép quản lí thời gian học tập chủ động	15,4%	11,5%	
Lớp học đảo ngược cho phép học mọi nơi	3,8%	2,7%	
Lớp học đảo ngược giúp rèn kĩ năng tìm kiếm thông tin	11,5%		
Lớp học đảo ngược giúp nâng cao kĩ năng tự học	7,7%	3,8%	
Lớp học đảo ngược giúp học nhóm tốt	19,2%	11,5%	
Lớp học đảo ngược giúp rèn kỹ năng tự đánh giá	7,7%	11,5%	
V. Nhận thức về kết quả học tập trong lớp học đảo ngược			
Lớp học đảo ngược cho phép thu nhận nhiều kiến thức	15,4%	7,7%	3,8%
Lớp học đảo ngược cho phép kết quả đánh giá hàng ngày tốt	26,9%	3,8%	
Lớp học đảo ngược cho phép điểm kiểm tra tốt	19,2%		
VI. Nhận thức về học liệu trong lớp học đảo ngược			
Lớp học đảo ngược cung cấp học liệu đúng mục tiêu học tập	11,5%	3,8%	3,8%
Lớp học đảo ngược cung cấp học liệu có hình ảnh chất lượng tốt	11,5%		3,8%
Lớp học đảo ngược cung cấp học liệu có âm thanh chất lượng tốt	7,7%		3,8%
Lớp học đảo ngược cung cấp học liệu có hướng dẫn học tập rõ ràng trên hệ thống.	11,5%	3,8%	3,8%
Lớp học đảo ngược có giáo viên hướng dẫn tiếp cận học liệu rõ ràng.	12%		4%
VII. Nhận thức về nền tảng công nghệ trong lớp học đảo ngược			
Em tiếp cận học liệu dễ dàng do hệ thống E-learning ổn định	7,7%		
Em tiếp cận học liệu dễ dàng do cách sắp xếp bài học trên hệ thống E-learning phù hợp.	3,8%	3,8%	

Từ số liệu khảo sát có thể thấy tỉ lệ sinh viên “rất không đồng ý” về các ưu điểm của LHĐN rất nhỏ và tập trung chủ yếu vào mục học liệu trong LHĐN (3,8%). Nổi bật hơn một chút 4% sinh viên được hỏi hoàn toàn không đồng ý về cách giáo viên hướng dẫn tiếp cận học liệu. Tương tự vậy, tỉ lệ “không đồng ý” dao động từ 2,7% đến 15,4. Trong số đó, tỉ lệ cao nhất nằm ở việc sinh viên ít tương tác với bạn học trước giờ học. Về mức độ phân vân có sáu con số nổi bật lần lượt là 26,9% (LHĐN cho phép thêm thời gian học kiến thức nâng cao trên lớp), 26,9% (LHĐN cho phép kết quả đánh giá hàng ngày tốt), 23,1% (LHĐN giúp tự tin hơn trong hoạt động trên lớp), và 19,2% (LHĐN giúp tương tác tốt với bạn học sau giờ học, LHĐN giúp học nhóm tốt, LHĐN cho phép điểm kiểm tra tốt).

Kết quả phỏng vấn cũng thể hiện sinh viên nhận thức được hạn chế của LHĐN. Thứ nhất là việc học tập ở nhà không hiệu quả với sinh viên lười. Thêm nữa, có ý kiến không hài lòng với hệ thống E-learning có những lúc không hoạt động trôi chảy, *gây ức chế cho sinh viên*. Cả ba sinh viên được hỏi không phàn nàn về cách giáo viên hướng dẫn học tập trong LHĐN.

4.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả trình bày ở trên (4.1) cho phép so sánh dữ liệu từ hai nguồn bảng hỏi và phỏng vấn và so sánh ưu điểm với hạn chế của LHĐN. Đồng thời, có sự đối chiếu với kết quả nghiên cứu trước đó.

Dữ liệu từ hai nguồn bảng hỏi và phỏng vấn khá trùng khớp. Bàn về ưu điểm của LHĐN, đa số sinh viên hài lòng về việc phân bổ hợp lí thời gian học tập kiến thức nền và thực hành nâng cao, tạo động cơ học tập rõ ràng, giúp kĩ năng học tập được nâng cao, giúp tương tác tốt với giáo viên trong buổi học, có kết quả học tập tốt và có nền tảng công nghệ ổn định. Số lượng bài tập đa dạng trên hệ thống cho phép sinh viên luyện tập nhiều lần, giúp nâng cao điểm số. Tuy vậy, vẫn tồn tại một số hạn chế của hình thức học tập này, nổi bật trong dữ liệu bảng hỏi là hạn chế về tương tác với bạn học

trước khi tới lớp hay việc hướng dẫn tiếp cận học liệu của giáo viên đối với sinh viên. Kết quả phỏng vấn hơi khác khi sinh viên tập trung vấn đề vào nền tảng công nghệ và tính tự học của sinh viên.

Có thể thấy kết quả nghiên cứu này phù hợp với những kết quả nghiên cứu trước đó của các tác giả trong và ngoài nước như [6], [8], [3], [2], [9], [16], [20].

5. Kết luận

5.1. Kết luận

Bài viết này nghiên cứu nhận thức của sinh viên cao đẳng năm thứ nhất tại ĐHCNHN về lợi ích và hạn chế của LHĐN. Mô hình LHĐN trong nghiên cứu này thiên về truyền thống khi người học được giao bài nghiên cứu trước trên hệ thống E-learning và thực hành và mở rộng kiến thức tại lớp học trực tiếp. Đa số sinh viên nhận thức rất tích cực về các ưu điểm của LHĐN theo bảy yếu tố: (1) thời gian học, (2) động cơ học tập, (3) tương tác trong học tập, (4) kỹ năng học tập, (5) kết quả học tập, (6) học liệu, (7) nền tảng công nghệ. Ưu điểm lớn nhất của LHĐN được chỉ ra trong nghiên cứu là LHĐN cho phép sinh viên chủ động về mặt thời gian và có thêm thời gian luyện tập. Về hạn chế, vấn đề chính nằm ở việc tiếp cận học liệu trong LHĐN và nền tảng công nghệ khiến một số lượng sinh viên ngại khó khăn khi bắt đầu làm quen với lớp học này khiến ảnh hưởng đến tâm lý và chất lượng học tập của sinh viên. Mặt khác, sự thành công của lớp học phụ thuộc rất nhiều vào tính tự chủ của sinh viên. Cho dù sinh viên đã ý thức được lợi ích của LHĐN, một bộ phận sinh viên đã không tự giác, không tuân thủ kỉ luật của lớp học kiểu này dẫn đến kết quả học tập không tốt. Kết quả này tương đồng với kết quả của các nghiên cứu được khảo cứu. Điểm mới của nghiên cứu chính là việc tác giả đã đóng góp được một khung nghiên cứu khá toàn diện về nhận thức của sinh viên về lợi ích và hạn chế của LHĐN.

5.2. Hạn chế của đề tài

Nghiên cứu không tránh khỏi một số hạn chế như sau: Thứ nhất, lợi ích và hạn chế của LHĐN mới được khai thác ở góc độ nhận thức của sinh viên; Thứ hai, các khía cạnh nhận thức chưa tập trung vào việc giảng viên triển khai cụ thể LHĐN; Thứ ba, đối tượng và địa chỉ nghiên cứu chưa mở rộng.

5.3. Khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu và những nhận định về đóng góp và hạn chế của đề tài, tác giả có một số khuyến nghị. Đối với cơ sở giáo dục, giảng viên cần nghiên cứu thêm cách thức để hỗ trợ và khích lệ tối đa cho sinh viên tiếp cận và sử dụng học liệu nhằm đảm bảo tất cả sinh viên đều có thể tiếp cận học liệu một cách tốt nhất; sinh viên cần chủ động học tập, nghiên cứu học liệu hơn; nhà trường cần đảm bảo cơ sở vật chất tài nguyên về hệ thống mạng Internet cho sinh viên học tập tốt hơn. Đối với nhà nghiên cứu, một số hạn chế kể trên (5.2) sẽ được nghiên cứu trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, 1997.
2. Đặng Anh Phương, *Áp dụng kết hợp mô hình lớp học đảo ngược với giảng dạy trực tiếp trong giảng dạy tiếng Anh*, 2022. Truy cập ngày 17 tháng 9 năm 2023 tại https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/142793/1/KY_20220926142647.pdf
3. Nguyễn Vũ Quỳnh Như, *Mô hình lớp học đảo ngược trong học ngoại ngữ: khảo sát trường hợp viết văn tranh luận Tiếng Anh*, TC Ngôn ngữ và đời sống, Số 7(314) 31 - 40, 2021.

4. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 117/QĐ-TTCP Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025. 2017. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, truy cập ngày 17 tháng 9 năm 2023 tại <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&doid=188112>
 5. Võ Thị Minh Ngân, *Áp dụng mô hình “lớp học đảo ngược” trong việc rèn luyện kỹ năng đọc hiểu trong môn học tiếng Anh ở bậc đại học tại Việt Nam*, TC Công Thương, 2023. Truy cập ngày 17 tháng 9 năm 2023 tại <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ap-dung-mo-hinh-lop-hoc-dao-nguoc-trong-viec-ren-luyen-ky-nang-doc-hieu-trong-mon-hoc-tieng-anh-o-bac-dai-hoc-tai-viet-nam-107477.htm>
 6. Trần Thị Hậu, *Evaluation on the efficacy of flipped classroom in teaching a TOEIC course a case study in HTU*, 2021. Truy cập ngày 17 tháng 9 năm 2023 tại <http://hict.edu.vn/evaluation-on-the-efficacy-of-flipped-classroom-in-teaching-a-toeic-course-a-case-study-in-htu.htm>
 7. Tập thể tác giả, *Từ điển Triết học*, NXB Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1986.
 8. Vũ Văn Tuấn, *Đánh giá áp dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy tiếng Anh không chuyên tại trường Đại học Luật Hà Nội*, Scientific Journal of Tan Trao University. (6)18 : 90-97, 2022.
- Tiếng Anh
9. Aljaraideh, Y., *Students' perception of flipped classroom: a case study for private universities in Jordan*, Journal of Technology and Science Education JOTSE, 2019 - 9(3): 368-377, 2019.
 10. Bishop, J. L. and Verleger, M. A., *The flipped classroom: A survey of the research*, 120th ASEE Annual Conference & Exposition. Atlanta: GA. 30, 1-18, 2013.
 11. Creswell, J. W., *Educational research, Planning, Conducting, and Evaluating Quantitative and Qualitative Research*, Pearson Education, London, 2002.
 12. Denzin, N., K., & Lincon, Y., S., (Eds), *The SAGE handbook of qualitative research (3rd ed)*, Thousand Oaks, Sage, 2005.
 13. Dornyei, Z., *Questionnaires in second language research construction, administration and processing*, 2nd Edition, Routledge, London, 2010.
 14. Milman, N., *The flipped classroom strategy: what is it and how can it be used?* Distance Learning, 9(3), 85-87. 2012 <https://go.gale.com/ps/anonymouse?id=GALE%7CA305660562&sid=googleScholar&v=2.1&it=r&linkaccess=abs&issn=15474712&p=AONE&sw=w>
 15. Newman, G., Kim, J.H., Lee, R.J., Brown, B.A., & Huston, S., *The perceived effects of flipped teaching on knowledge acquisition*, Journal of Effective Teaching, 16(1), 52-71, 2016. Available at: <https://eric.ed.gov/?id=EJ1092703>
 16. Tarbert, R., *Flipped learning: A guide for higher education faculty*, Stylus Publishing, LLC, 2017.
 17. TeacherThoughtStaff, *The definition of flipped classroom*, 2014. Truy cập vào 7 giờ 52 phút ngày 16/9/2023 tại <https://www.teachthought.com/learning/definition-flipped-classroom/>
 18. Thakare, R., *8 Types of flipped learning classrooms and tools to build them*, 2018. Truy cập vào 16 giờ 5 phút ngày 18/10/2023 tại <https://elearningindustry.com/flipped-learning-classrooms-tools-build-types>
 19. Yang, J., Yin, C.X., and Wang, W., *Flipping the classroom in teaching Chinese as a foreign language*, Language Learning & Technology, 22(1), 16-26, 2018.
 20. ViewSonic, *8 flipped classroom examples*, 2021. Truy cập vào 16 giờ 5 phút ngày 18/10/2023 tại <https://www.viewsonic.com/library/education/8-flipped-classroom-examples/>